

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;
2. Bà Ngô Thị Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985; thường trú: Đội 7, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Cẩm V, sinh năm 1980; thường trú: 19A/9 khu phố L1, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Chị Đỗ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Nguyễn Cẩm V vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện D (nay là phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2007, ngày 22/6/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ 15/14 khu phố Thắng Lợi 1, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Từ khi đăng ký kết hôn cho đến nay, anh, chị liên tục phát sinh nhiều mâu

thuần, tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai vợ chồng đã nhiều lần tạo cơ hội cho nhau để cùng thay đổi và hòa hợp nhưng không thành. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu được ly hôn với anh V.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V có 01 con chung tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 17/7/2009. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Nguyễn Cẩm V:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để lấy lời khai, làm việc đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại bản tự khai cháu Nguyễn Ngân Q trình bày:* Con là con của mẹ Đỗ Thị T và bố Nguyễn Cẩm V, con có mong muốn ở với mẹ.

- *Ngày 01/4/2022, Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An và được cung cấp như sau:* Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án chị Đỗ Thị T không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An tiến hành hòa giải cơ sở. Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An, thành phố Dĩ An cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V. Vì vậy, về tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh, chị Hội liên hiệp phụ nữ phường Dĩ An không biết được.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Đỗ Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Cẩm V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện D (nay là phường A, thành phố D), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2007, ngày 22/6/2007 đúng với quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Anh, chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả.

Xét thấy, Tòa án đã triệu tập anh Nguyễn Cẩm V có mặt tại Tòa án để trình bày ý kiến nhằm hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh V không đến và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị Đỗ Thị T và anh Nguyễn Cẩm V có một con chung tên Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 17/7/2009, hiện cháu Q đang sống cùng chị T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án đã triệu tập anh V để trình bày ý kiến về con chung nhưng anh V vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng. Xét, cháu Nguyễn Ngân Q đang sống ổn định với chị T; đồng thời cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu Q cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, khi ly hôn, người không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đỗ Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T đối với bị đơn anh Nguyễn Cẩm V về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Cẩm V (Giấy chứng nhận kết hôn số 152/2007 do thị trấn A, huyện D (nay là phường Dĩ An, thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/6/2007).

1.2 Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngân Q, sinh ngày 17/7/2009 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Cẩm V có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, chị Đỗ Thị T không được cản trở anh Nguyễn Cẩm V thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3 Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đỗ Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Cẩm V cấp dưỡng nuôi con chung.

1.4 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003565 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương